

Số: 14/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại các Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định thí điểm về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại các Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 2.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa.



b) Đối với dự án đầu tư, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được quy định tại điểm a khoản này, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là một nội dung trong chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (hoặc Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

c) Đối với việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc

Việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bảo đảm nguyên tắc, điều kiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

b) Bản chính báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư;

quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện);

c) Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: Bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư;

d) Bản chính báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng), loài cây trồng.

Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thì hình thức hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có rừng thực hiện:

a) Niêm yết công khai việc chuyển mục đích sử dụng rừng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi có rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng, thời gian niêm yết ít nhất là 15 ngày làm việc;

b) Lấy ý kiến của chủ rừng, cộng đồng dân cư nơi có rừng. Nội dung lấy ý kiến: ảnh hưởng của việc chuyển mục đích sử dụng rừng đến đời sống của chủ rừng, tác động đến cộng đồng dân cư. Hình thức lấy ý kiến trực tiếp hoặc thông qua cuộc họp.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến của chủ rừng và cộng đồng dân cư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Nội dung thẩm định gồm:

- a) Cơ sở pháp lý;
- b) Thành phần, nội dung hồ sơ;
- c) Sự cần thiết đầu tư dự án;
- d) Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng), loài cây trồng;
- đ) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- e) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật;
- g) Hiệu quả kinh tế - xã hội; đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công; kết quả lấy ý kiến của chủ rừng, cộng đồng dân cư nơi có rừng.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hồ sơ gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung cơ bản:

- a) Thông tin chung về dự án;
- b) Sự cần thiết đầu tư dự án;
- c) Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); loài cây trồng;
- d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- đ) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật;
- e) Hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư và đầu tư công; kết quả lấy ý kiến của chủ rừng, cộng đồng dân cư nơi có rừng

Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục

đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nội dung được ủy quyền theo quy định tại Quyết định này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

a) Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gửi Nghị quyết về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác biết.

b) Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này hằng năm, sơ kết 03 năm trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 và tổng kết trước ngày 31 tháng 5 năm 2026 về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc có ý kiến thẩm định đối với các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ những khó khăn, vướng mắc.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Quyết định này hằng năm; sơ kết 03 năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 6 năm 2024; tổng kết thực hiện Quyết định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào tháng 6 năm 2026.

4. Các bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, được thí điểm thực hiện đến khi Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 và Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 hết hiệu lực thi hành.

2. Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phải hoàn thành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng và chủ dự án phải hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng rừng trong thời gian Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 và Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 47

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành